

Hoàn thiện thể chế phát triển kinh tế dữ liệu ở Việt Nam trong kỷ nguyên số: Những vấn đề lý luận và thực tiễn

Ngô Thị Phương Liên*

Nhận ngày 20 tháng 5 năm 2026. Chấp nhận đăng ngày 3 tháng 7 năm 2026.

Tóm tắt: Kinh tế dữ liệu đang trở thành một trụ cột mới của tăng trưởng kinh tế trong kỷ nguyên số, nơi dữ liệu được xem là một loại tài nguyên, tư liệu sản xuất và hàng hóa đặc biệt. Trong giai đoạn 2024 - 2025, Quốc hội đã liên tiếp ban hành hai đạo luật nền tảng là Luật Dữ liệu (2024) và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân (2025), đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tư duy thể chế về dữ liệu. Tuy vậy, thể chế phát triển kinh tế dữ liệu ở Việt Nam vẫn còn nhiều khoảng trống về quyền sở hữu, cơ chế định giá, giao dịch dữ liệu và năng lực thực thi. Bài báo hệ thống hóa cơ sở lý luận về kinh tế dữ liệu và thể chế phát triển kinh tế dữ liệu, phân tích thực trạng thể chế hiện hành của Việt Nam trên cơ sở đối chiếu với số liệu thống kê và các văn bản pháp luật mới nhất, đồng thời tham chiếu kinh nghiệm quốc tế để đề xuất một số định hướng, giải pháp hoàn thiện thể chế, tạo nền tảng cho kinh tế dữ liệu phát triển bền vững, an toàn và hội nhập.

Từ khóa: Kinh tế dữ liệu, thể chế, chuyển đổi số, dữ liệu số, kỷ nguyên số, Việt Nam.

Phân loại ngành: Kinh tế

Abstract: The data economy is emerging as a new pillar of economic growth in the digital era, in which data is increasingly recognized as a resource, a means of production, and a distinctive form of commodity. In the period of 2024 - 2025, the National Assembly of Vietnam successively enacted two foundational laws, namely the Law on Data (2024) and the Law on Personal Data Protection (2025), marking a significant shift in the institutional approach to data governance and utilization. Nevertheless, Vietnam's institutional framework for developing the data economy remains constrained by a number of gaps and challenges, particularly with regard to data ownership and rights, data valuation mechanisms, data transactions and markets, as well as institutional enforcement capacity. This article systematizes the theoretical foundations of the data economy and the institutional framework for its development; examines the current state of Vietnam's regulatory and institutional arrangements on the basis of the latest statistical evidence and legal documents; and draws on relevant international experiences. On that basis, the article proposes orientations and policy solutions for further strengthening the institutional framework, thereby establishing a sound foundation for the sustainable, secure, and internationally integrated development of Vietnam's data economy.

Keywords: Data economy, institutional framework, digital transformation, digital data, digital era, Vietnam.

Subject classification: Economics

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
Email: phuongliennpa@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cùng với quá trình chuyển đổi số diễn ra sâu rộng trên phạm vi toàn cầu đã làm thay đổi căn bản phương thức tạo ra giá trị trong nền kinh tế. Nếu như trước đây đất đai, lao động, vốn và công nghệ được xem là những yếu tố sản xuất cốt lõi thì ngày nay dữ liệu đã nổi lên như một loại "tư liệu sản xuất" mới, có khả năng tạo ra giá trị gia tăng vượt trội khi được thu thập, xử lý, phân tích và khai thác một cách hiệu quả. Kinh tế dữ liệu, với tư cách là một hình thái kinh tế lấy dữ liệu làm trung tâm, đang định hình lại cấu trúc của nhiều ngành, lĩnh vực, từ tài chính - ngân hàng, thương mại điện tử, y tế, giáo dục cho đến quản trị nhà nước. Thực tế phát triển của Việt Nam trong giai đoạn gần đây đã phần nào phản ánh xu thế này: theo công bố của Cục Thống kê (Bộ Tài chính), tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP đã tăng liên tục từ 12,87% năm 2021 lên 14,02% năm 2025, tương đương khoảng 72,1 tỷ USD, cao gấp 1,64 lần so với năm 2020, trong đó riêng các ngành kinh tế số lõi chiếm hơn 60% giá trị tăng thêm của toàn bộ khu vực kinh tế số. So với một số nền kinh tế trong khu vực và trên thế giới, mức đóng góp này của Việt Nam vẫn còn khiêm tốn hơn Singapore (khoảng 18,6% năm 2024) hay Malaysia (khoảng 23,4% năm 2024), nhưng đã tiệm cận và có phần vượt một số nền kinh tế phát triển như Hoa Kỳ (khoảng 10,1% năm 2022) hay Australia (khoảng 6,3% giai đoạn 2020-2024), cho thấy dư địa tăng trưởng còn rất lớn nếu có thể chế phù hợp để khai thác giá trị của dữ liệu một cách hiệu quả hơn. Chính vì vậy, Bộ Thông tin và Truyền thông (nay đã hợp nhất chức năng vào cơ cấu tổ chức mới) từng đặt mục tiêu đưa kinh tế số đạt khoảng 20% GDP vào năm 2025 và 30% GDP vào năm 2030, một mục tiêu đầy tham vọng đòi hỏi phải có những đột phá về thể chế mới có thể hiện thực hóa được.

Nhận thức được vai trò then chốt của dữ liệu, trong những năm gần đây Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách lớn nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số và kinh tế dữ liệu, tiêu biểu là Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Chương trình Chuyển đổi số quốc gia và gần đây nhất là Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, văn kiện được đánh giá là đã tạo động lực dẫn dắt mạnh mẽ cho khu vực kinh tế số trong giai đoạn 2021-2025. Về mặt lập pháp, dấu mốc quan trọng nhất là việc Quốc hội khóa XV, tại kỳ họp thứ 8 ngày 30 tháng 11 năm 2024, đã thông qua Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, lần đầu tiên xác lập một khung pháp lý chuyên biệt điều chỉnh việc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý và sử dụng dữ liệu số, cùng với việc thiết lập Trung tâm dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia. Tiếp đó, ngày 26 tháng 6 năm 2025, Quốc hội tiếp tục thông qua Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, thay thế Nghị định số 13/2023/NĐ-CP vốn đã vận hành từ giữa năm 2023, qua đó xác lập một cách hệ thống các quyền dữ liệu cơ bản của công dân như quyền được biết, quyền đồng ý, quyền truy cập, chỉnh sửa và yêu cầu xóa dữ liệu cá nhân, đồng thời giao Bộ Công an làm cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về lĩnh vực này.

Việc liên tiếp ban hành hai đạo luật nền tảng nói trên trong vòng chưa đầy một năm cho thấy quyết tâm rất lớn của Nhà nước trong việc lấp đầy khoảng trống thể chế về dữ liệu, song đây cũng mới chỉ là bước khởi đầu của một quá trình hoàn thiện thể chế lâu dài và phức tạp. Trên thực tế, để dữ liệu thực sự trở thành một loại tài sản, hàng hóa có thể được định giá, giao dịch, chia sẻ và khai thác một cách an toàn, minh bạch trên quy mô thị trường, cần tiếp tục hoàn thiện nhiều mảng thể chế còn bỏ ngỏ, đặc biệt là cơ chế xác lập quyền sở hữu, quyền tài sản đối với dữ liệu tổng hợp, cơ chế định giá và giao dịch dữ liệu như một loại hàng hóa đặc thù, các tiêu chuẩn kỹ thuật bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông giữa

các ngành, các cấp, cũng như cơ chế quản lý dòng chảy dữ liệu xuyên biên giới trong bối cảnh nền kinh tế số ngày càng gắn kết với chuỗi giá trị toàn cầu. Sự thiếu đồng bộ này đang đặt ra không ít rào cản đối với quá trình khai thác giá trị kinh tế của dữ liệu, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ về an ninh, an toàn thông tin và quyền riêng tư của công dân nếu không được kiểm soát chặt chẽ.

Xuất phát từ yêu cầu lý luận và thực tiễn nêu trên, bài báo tập trung làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về kinh tế dữ liệu và thể chế phát triển kinh tế dữ liệu, phân tích, đánh giá thực trạng thể chế hiện hành ở Việt Nam trên cơ sở những văn bản pháp luật và số liệu thống kê mới nhất, nhận diện những hạn chế, bất cập và nguyên nhân, từ đó đề xuất các định hướng, giải pháp hoàn thiện thể chế nhằm thúc đẩy kinh tế dữ liệu phát triển tương xứng với tiềm năng, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, bài báo sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu định tính. Trước hết, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu để tổng hợp, hệ thống hóa các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về kinh tế dữ liệu, thể chế kinh tế số và quản trị dữ liệu, đồng thời rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, đề án của Việt Nam có liên quan đến dữ liệu số và chuyên đổi số, trong đó tập trung vào hai văn bản có tính chất nền tảng mới được ban hành là Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15, cùng các nghị định hướng dẫn thi hành liên quan, bao gồm Nghị định số 356/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Trên cơ sở nguồn dữ liệu thứ cấp thu thập được, tác giả sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp để bóc tách các thành tố cấu thành thể chế phát triển kinh tế dữ liệu, bao gồm thể chế pháp lý, thể chế tổ chức - bộ máy, thể chế chính sách và thể chế thị trường, từ đó tổng hợp thành một bức tranh tổng thể, có tính hệ thống về thực trạng thể chế hiện hành, đối chiếu với các số liệu thống kê chính thức về quy mô và tốc độ tăng trưởng của kinh tế số Việt Nam do Cục Thống kê (Bộ Tài chính) công bố trong giai đoạn 2021-2025.

Bên cạnh đó, bài báo áp dụng phương pháp so sánh nhằm tham chiếu kinh nghiệm quốc tế về xây dựng thể chế kinh tế dữ liệu của một số quốc gia, khu vực có trình độ phát triển kinh tế số cao, tiêu biểu là mô hình quản trị dữ liệu "lấy con người làm trung tâm" của Liên minh châu Âu thông qua Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR), Đạo luật Quản trị dữ liệu (Data Governance Act) và Đạo luật Dữ liệu (Data Act), đối chiếu với mô hình quản lý dữ liệu tập trung, gắn với các quy định bản địa hóa nghiêm ngặt của Trung Quốc, cùng với kinh nghiệm của Hoa Kỳ và Singapore, nhằm rút ra những bài học tham khảo có chọn lọc, phù hợp với điều kiện thể chế và trình độ phát triển của Việt Nam.

Cuối cùng, bài báo kế thừa có chọn lọc các nhận định, đánh giá của các chuyên gia, nhà quản lý được công bố trong các hội thảo khoa học, diễn đàn chính sách và báo chí chuyên ngành liên quan đến chủ đề nghiên cứu, coi đây là nguồn tham chiếu bổ sung cho các phân tích định tính về khung khổ thể chế. Do giới hạn về phạm vi và thời gian nghiên cứu, bài báo không tiến hành khảo sát định lượng trên diện rộng đối với doanh nghiệp và người dân, mà tập trung vào phân tích định tính khung khổ thể chế dựa trên tài liệu, văn bản pháp luật và số liệu thứ cấp đã công bố; đây cũng là hạn chế mà các nghiên cứu tiếp theo có thể khắc phục thông qua các khảo sát định lượng, phỏng vấn sâu chuyên gia và điều tra thực địa quy mô lớn hơn.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Một số vấn đề lý luận về kinh tế dữ liệu và thể chế phát triển kinh tế dữ liệu

Kinh tế dữ liệu có thể được hiểu là một bộ phận của nền kinh tế số, trong đó dữ liệu đóng vai trò là yếu tố đầu vào cốt lõi, vừa là đối tượng lao động, vừa là tư liệu sản xuất, đồng thời có thể trở thành sản phẩm, hàng hóa được trao đổi trên thị trường. Kinh tế dữ liệu bao

gồm toàn bộ các hoạt động thu thập, lưu trữ, xử lý, phân tích, chia sẻ, giao dịch và khai thác dữ liệu nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho các chủ thể kinh tế, từ doanh nghiệp, tổ chức đến cơ quan nhà nước và người dân. So với các yếu tố sản xuất truyền thống, dữ liệu mang một số đặc trưng riêng biệt đáng chú ý. Trước hết là tính phi cạnh tranh trong tiêu dùng, theo đó một tập dữ liệu có thể được nhiều chủ thể sử dụng đồng thời mà không làm giảm giá trị sử dụng của nó, khác hẳn với các tài nguyên hữu hình vốn có tính khan hiếm và loại trừ lẫn nhau trong sử dụng. Tiếp đến là tính lan tỏa và ngoại ứng mạnh, khi giá trị của dữ liệu thường tăng lên đáng kể mỗi khi được kết hợp, đối chiếu với các tập dữ liệu khác, tạo ra hiệu ứng cộng hưởng mà từng tập dữ liệu riêng lẻ không thể có được. Bên cạnh đó, dữ liệu rất khó xác định quyền sở hữu một cách rạch ròi như tài sản hữu hình, do liên quan đồng thời đến nhiều chủ thể khác nhau, từ người tạo ra dữ liệu gốc, tổ chức thu thập, đơn vị xử lý cho đến bên khai thác dữ liệu tổng hợp. Cuối cùng, giá trị của dữ liệu phụ thuộc rất nhiều vào bối cảnh sử dụng, mục đích khai thác và năng lực phân tích của chủ thể nắm giữ, chứ không cố định như giá trị của hàng hóa thông thường. Chính những đặc trưng này đặt ra yêu cầu phải có một khung khổ thể chế đặc thù, khác biệt căn bản so với thể chế điều chỉnh các loại tài sản, hàng hóa truyền thống.

Trên nền tảng đó, thể chế phát triển kinh tế dữ liệu có thể được hiểu là tổng thể các quy tắc, luật lệ, chính sách, cơ chế tổ chức và thiết chế thị trường được thiết lập nhằm điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình tạo lập, thu thập, xử lý, chia sẻ, giao dịch và bảo vệ dữ liệu, qua đó tạo môi trường thuận lợi để khai thác hiệu quả giá trị kinh tế của dữ liệu, đồng thời bảo đảm an toàn, an ninh và quyền lợi hợp pháp của các chủ thể liên quan. Về cấu trúc, thể chế phát triển kinh tế dữ liệu thường bao gồm bốn nhóm cấu thành có mối quan hệ chặt chẽ, bổ sung lẫn nhau. Thể chế pháp lý là hệ thống pháp luật quy định về quyền sở hữu, quyền sử dụng dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh, an toàn dữ liệu, giao dịch dữ liệu và trách nhiệm pháp lý của các chủ thể tham gia chuỗi giá trị dữ liệu, mà ở Việt Nam hiện nay được thể hiện tập trung nhất qua Luật Dữ liệu và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân vừa được ban hành. Thể chế tổ chức - bộ máy bao gồm các cơ quan quản lý nhà nước có chức năng hoạch định chính sách, giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm liên quan đến dữ liệu, cũng như các thiết chế trung gian như sàn giao dịch dữ liệu, tổ chức chứng nhận, kiểm định chất lượng dữ liệu. Thể chế chính sách là các chiến lược, chương trình, đề án khuyến khích phát triển hạ tầng dữ liệu, thúc đẩy chia sẻ dữ liệu mở, hỗ trợ doanh nghiệp khai thác dữ liệu và đào tạo nguồn nhân lực dữ liệu. Thể chế thị trường bao gồm các quy tắc, tiêu chuẩn kỹ thuật, cơ chế định giá và cơ chế bảo đảm cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động mua bán, trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa các chủ thể. Sự thiếu đồng bộ hoặc khiếm khuyết ở bất kỳ nhóm cấu thành nào cũng có thể làm suy giảm hiệu lực, hiệu quả tổng thể của thể chế, bởi lẽ thể chế có vai trò nền tảng, dẫn dắt đối với sự phát triển của kinh tế dữ liệu: nó tạo hành lang pháp lý rõ ràng để các chủ thể yên tâm đầu tư vào thu thập, xử lý dữ liệu; giảm thiểu chi phí giao dịch thông qua các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật thống nhất; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cá nhân, tổ chức trước nguy cơ lạm dụng, xâm phạm dữ liệu; đồng thời khuyến khích đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu và thúc đẩy hình thành các mô hình kinh doanh mới. Ngược lại, nếu thể chế không theo kịp sự phát triển của công nghệ và thực tiễn, sẽ tạo ra những "nút thắt" kìm hãm sự phát triển của kinh tế dữ liệu, thậm chí có thể dẫn đến các hệ lụy tiêu cực về an ninh, quyền riêng tư và cạnh tranh không lành mạnh.

3.2. Thực trạng thể chế phát triển kinh tế dữ liệu ở Việt Nam

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã từng bước xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến dữ liệu số, đạt được những bước tiến quan trọng có thể nhận diện rõ qua hai

dấu mốc lập pháp gần nhất. Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15, gồm 5 chương và 46 điều, được Quốc hội thông qua ngày 30 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, lần đầu tiên quy định một cách tương đối toàn diện về dữ liệu số, việc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu số, về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cũng như về sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu số. Đạo luật này đã bước đầu phân định chủ thể được khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia theo ba nhóm: cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội khai thác dữ liệu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; chủ thể dữ liệu được khai thác dữ liệu phản ánh về chính mình; còn các tổ chức, cá nhân khác được tự do khai thác dữ liệu mở, hoặc phải có sự đồng ý của Trung tâm dữ liệu quốc gia và của chủ thể dữ liệu (đối với dữ liệu cá nhân) khi muốn khai thác các loại dữ liệu còn lại. Tiếp nối văn bản này, ngày 26 tháng 6 năm 2025, Quốc hội tiếp tục thông qua Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15, gồm 5 chương và 39 điều, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, thay thế Nghị định số 13/2023/NĐ-CP đã vận hành được hơn hai năm rưỡi. Đạo luật mới xác lập rõ ràng các quyền dữ liệu cơ bản của công dân, bao gồm quyền được biết, quyền đồng ý hoặc rút lại sự đồng ý, quyền truy cập, chỉnh sửa và yêu cầu xóa dữ liệu cá nhân, đồng thời quy định các biện pháp bảo vệ đặc thù đối với trẻ em và những người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; về tổ chức thực thi, Luật giao Bộ Công an làm cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ về quản lý nhà nước trong lĩnh vực này, phối hợp với Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành, địa phương theo chức năng được phân công. Ngày 31 tháng 12 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 356/2025/NĐ-CP, gồm 5 chương và 42 điều, quy định chi tiết thi hành Luật, có hiệu lực đồng thời từ ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Việc liên tiếp ban hành hai đạo luật nền tảng nói trên trong vòng chưa đầy một năm là bước tiến thể chế có ý nghĩa quan trọng, góp phần đưa Việt Nam tiệm cận gần hơn với các chuẩn mực quản trị dữ liệu cá nhân đang được áp dụng phổ biến trên thế giới. Tuy nhiên, nhìn tổng thể, khung pháp lý hiện hành vẫn còn một số khoảng trống đáng chú ý mà quá trình xây dựng các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành trong thời gian tới cần tiếp tục làm rõ. Trước hết, mặc dù Luật Dữ liệu đã bước đầu phân định chủ thể khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, nhưng quy định về quyền sở hữu, quyền tài sản đối với dữ liệu do khu vực tư nhân tạo lập, đặc biệt là dữ liệu tổng hợp, dữ liệu lớn được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, vẫn còn thiếu một khung pháp lý đủ rõ ràng, khiến các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc xác định chủ thể có quyền định đoạt, chuyển nhượng hoặc cho phép khai thác thương mại đối với dữ liệu do mình nắm giữ. Thứ hai, cơ chế pháp lý cụ thể cho việc định giá và giao dịch dữ liệu như một loại hàng hóa, tài sản đặc biệt hiện vẫn đang trong quá trình soạn thảo các nghị định hướng dẫn, trong đó có dự thảo nghị định về sản phẩm và dịch vụ dữ liệu, khiến hoạt động mua bán, trao đổi dữ liệu giữa các doanh nghiệp trên thực tế vẫn mang tính tự phát, thiếu cơ sở pháp lý bảo đảm đầy đủ. Thứ ba, quy định về chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước với nhau và giữa cơ quan nhà nước với khu vực tư nhân, mặc dù đã có khung định hướng chung trong Luật Dữ liệu, nhưng việc triển khai cụ thể trên thực tế vẫn còn phân tán, thiếu cơ chế liên thông đồng bộ giữa các ngành, các cấp, dẫn đến tình trạng dữ liệu bị "cát cứ", trùng lặp mà nhiều báo cáo, hội thảo chuyên đề về chuyển đổi số đã chỉ ra trong thời gian qua. Thứ tư, các quy định về quản lý dữ liệu xuyên biên giới, lưu trữ dữ liệu tại chỗ và bảo đảm chủ quyền dữ liệu quốc gia vẫn đang trong quá trình hoàn thiện thông qua các nghị định hướng dẫn về dữ liệu cốt lõi,

dữ liệu quan trọng, chưa theo kịp tốc độ phát triển của các nền tảng số xuyên quốc gia đang chiếm thị phần ngày càng lớn trong nền kinh tế số Việt Nam.

Về thể chế tổ chức - bộ máy, Việt Nam đã hình thành các cơ quan quản lý nhà nước có chức năng liên quan đến quản lý dữ liệu, chuyển đổi số ở cấp trung ương và địa phương, cùng với việc từng bước xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, doanh nghiệp, đất đai theo lộ trình do Thủ tướng Chính phủ quy định. Việc xây dựng, kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia bước đầu đã tạo nền tảng quan trọng cho quản trị dữ liệu quốc gia, đặc biệt sau khi Luật Dữ liệu xác lập cơ sở pháp lý cho việc tiếp nhận, chuyển đổi và sử dụng hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia. Tuy nhiên, mô hình tổ chức hiện nay vẫn còn phân tán theo ngành dọc, thiếu một cơ chế điều phối liên ngành đủ mạnh để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong quản lý, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương. Bên cạnh đó, các thiết chế trung gian của thị trường dữ liệu như sàn giao dịch dữ liệu, tổ chức định giá, kiểm định chất lượng dữ liệu hầu như chưa được hình thành trên thực tế, khiến thị trường dữ liệu chưa có nền tảng hạ tầng thể chế cần thiết để vận hành minh bạch, hiệu quả theo đúng nghĩa một thị trường hàng hóa đặc biệt.

Về thể chế chính sách, các chiến lược, chương trình, đề án về chuyển đổi số quốc gia đã xác định dữ liệu là nguồn tài nguyên chiến lược, đồng thời đề ra định hướng xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, thúc đẩy dữ liệu mở và phát triển kinh tế dữ liệu, thể hiện rõ nét qua việc đặt mục tiêu kinh tế số đạt 20% GDP vào năm 2025 và 30% GDP vào năm 2030. Đây là cơ sở chính trị - pháp lý quan trọng để cụ thể hóa thành các cơ chế, chính sách cụ thể, và trên thực tế đã góp phần đưa tỷ trọng kinh tế số trong GDP tăng đều đặn qua các năm như số liệu đã nêu ở phần đặt vấn đề. Tuy nhiên, việc triển khai trên thực tế còn gặp nhiều khó khăn: chính sách khuyến khích đầu tư vào hạ tầng dữ liệu, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây còn chưa đủ hấp dẫn so với tiềm năng và so với mục tiêu đã đề ra; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khai thác dữ liệu để đổi mới mô hình kinh doanh còn hạn chế, trong khi mục tiêu chiến lược đặt ra là đến năm 2025 có trên 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số và đến năm 2030 tỷ lệ này đạt trên 70%; nguồn nhân lực chất lượng cao về khoa học dữ liệu, quản trị dữ liệu còn thiếu hụt so với mục tiêu tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2% vào năm 2025 và trên 3% vào năm 2030.

Về thể chế thị trường, thị trường dữ liệu ở Việt Nam hiện đang ở giai đoạn sơ khai. Các tiêu chuẩn kỹ thuật về định dạng dữ liệu, giao thức kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống chưa được thống nhất trên diện rộng, gây khó khăn cho việc liên thông dữ liệu giữa các tổ chức, doanh nghiệp. Cơ chế bảo đảm cạnh tranh lành mạnh trong khai thác dữ liệu, đặc biệt là ngăn ngừa tình trạng độc quyền dữ liệu của một số nền tảng công nghệ lớn, chưa được quy định cụ thể trong hệ thống pháp luật cạnh tranh hiện hành. Như nhiều chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ và khoa học máy tính đã chỉ ra tại các diễn đàn về kinh tế dữ liệu gần đây, mô hình phát triển kinh tế dữ liệu do thị trường dẫn dắt tuy có thể mang lại tốc độ tăng trưởng nhanh và huy động được nguồn vốn tư nhân dồi dào, nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ dẫn tới sự thống trị của một số tập đoàn công nghệ lớn nếu thiếu cơ chế giám sát, điều tiết phù hợp - một rủi ro mà Việt Nam cần đặc biệt lưu tâm trong quá trình xây dựng thể chế thị trường dữ liệu của mình.

3.3. Một số vấn đề đặt ra

Từ thực trạng nêu trên, có thể nhận diện một số vấn đề cơ bản đặt ra đối với việc hoàn thiện thể chế phát triển kinh tế dữ liệu ở Việt Nam. Vấn đề thứ nhất là khoảng trống pháp lý

về quyền sở hữu, quyền tài sản đối với dữ liệu do khu vực tư nhân tạo lập vẫn là "nút thắt" căn bản, cần được giải quyết thông qua các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Dữ liệu trong thời gian tới, làm cơ sở cho các giao dịch dữ liệu diễn ra minh bạch, an toàn. Vấn đề thứ hai là sự thiếu đồng bộ, liên thông giữa các cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương đang làm giảm hiệu quả khai thác dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội, đòi hỏi phải có cơ chế điều phối, chia sẻ dữ liệu đủ mạnh, gắn với vai trò trung tâm của Trung tâm dữ liệu quốc gia vừa được xác lập cơ sở pháp lý. Vấn đề thứ ba là việc cân bằng giữa thúc đẩy khai thác, chia sẻ dữ liệu để tạo giá trị kinh tế với bảo vệ quyền riêng tư, an ninh dữ liệu và chủ quyền dữ liệu quốc gia là một bài toán không dễ giải quyết, nhất là khi so sánh với hai mô hình khác biệt trên thế giới: một bên là mô hình "lấy con người làm trung tâm" của Liên minh châu Âu, đặt trọng tâm vào niềm tin, chủ quyền số và khả năng tương tác thông qua các đạo luật như Quy định chung về bảo vệ dữ liệu, Đạo luật Quản trị dữ liệu và Đạo luật Dữ liệu; một bên là mô hình quản lý dữ liệu tập trung của Trung Quốc, gắn với các quy định bản địa hóa dữ liệu nghiêm ngặt và cách tiếp cận coi dữ liệu là một loại tài sản, tài nguyên chiến lược cần được Nhà nước kiểm soát chặt chẽ. Việt Nam, với Luật Dữ liệu và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân vừa ban hành, dường như đang tìm kiếm một điểm cân bằng riêng giữa hai thái cực này, nhưng việc lựa chọn mức độ can thiệp phù hợp vẫn là vấn đề cần tiếp tục được tổng kết, đánh giá trong quá trình thực thi. Vấn đề thứ tư là việc thiếu vắng các thiết chế thị trường như sàn giao dịch dữ liệu, cơ chế định giá, tổ chức kiểm định đang cản trở quá trình hình thành một thị trường dữ liệu vận hành theo nguyên tắc thị trường, minh bạch và có sự giám sát phù hợp của Nhà nước. Vấn đề thứ năm là năng lực thể chế, bao gồm cả năng lực xây dựng chính sách, năng lực thực thi và năng lực giám sát của bộ máy quản lý nhà nước về dữ liệu, còn chưa theo kịp tốc độ phát triển nhanh chóng của công nghệ số, đặc biệt trong bối cảnh hai đạo luật lớn vừa có hiệu lực và đòi hỏi phải sớm được cụ thể hóa bằng một hệ thống nghị định, thông tư hướng dẫn đồng bộ, khả thi.

3.4. Định hướng và giải pháp hoàn thiện thể chế phát triển kinh tế dữ liệu ở Việt Nam

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn nêu trên, có thể đề xuất một số định hướng, giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện thể chế phát triển kinh tế dữ liệu ở Việt Nam trong thời gian tới. Trước hết, cần khẩn trương hoàn thiện khung pháp lý về quyền sở hữu, quyền tài sản đối với dữ liệu thông qua việc ban hành đầy đủ, đồng bộ các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Dữ liệu, đặc biệt là các dự thảo nghị định về sản phẩm và dịch vụ dữ liệu, về dữ liệu cốt lõi và dữ liệu quan trọng đang được Chính phủ soạn thảo, trong đó cần phân định rõ quyền của các chủ thể liên quan đến dữ liệu, từ người tạo ra dữ liệu gốc, tổ chức thu thập, xử lý dữ liệu cho đến bên khai thác dữ liệu tổng hợp, làm cơ sở cho việc xác lập các giao dịch dữ liệu minh bạch, hợp pháp. Tiếp đó, cần xây dựng cơ chế pháp lý cụ thể cho thị trường giao dịch dữ liệu, bao gồm các quy định về định giá dữ liệu, tiêu chuẩn hóa hợp đồng giao dịch dữ liệu, cùng với việc nghiên cứu thí điểm mô hình sàn giao dịch dữ liệu dưới sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch và cạnh tranh lành mạnh, tránh để thị trường dữ liệu rơi vào tình trạng bị chi phối bởi một số ít nền tảng công nghệ lớn như bài học kinh nghiệm quốc tế đã chỉ ra.

Bên cạnh đó, cần hoàn thiện cơ chế chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước và giữa khu vực công với khu vực tư trên nền tảng vai trò trung tâm của Trung tâm dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia theo quy định của Luật Dữ liệu, thông qua việc xây dựng bộ tiêu chuẩn kỹ thuật thống nhất về định dạng, giao thức kết nối dữ liệu, đồng thời thiết lập cơ chế điều phối liên ngành đủ thẩm quyền để khắc phục tình trạng dữ liệu bị phân tán, "cát cứ" theo ngành, theo cấp như thực trạng đã phân tích ở trên. Đồng thời, cần tiếp tục tăng cường thể chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh dữ liệu và chủ quyền dữ liệu quốc gia thông qua việc triển khai hiệu quả Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và Nghị định số

356/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành, gắn với vai trò đầu mối quản lý nhà nước của Bộ Công an; đây là điều kiện tiên quyết để tạo niềm tin của người dân, doanh nghiệp khi tham gia vào các hoạt động chia sẻ, khai thác dữ liệu, đồng thời cần có cơ chế quản lý phù hợp đối với dòng chảy dữ liệu xuyên biên giới, bảo đảm hài hòa giữa hội nhập quốc tế và bảo vệ lợi ích quốc gia, tham khảo có chọn lọc cả kinh nghiệm coi trọng quyền riêng tư của Liên minh châu Âu lẫn kinh nghiệm bảo vệ chặt chẽ chủ quyền dữ liệu quốc gia của Trung Quốc để tìm ra mô hình phù hợp với đặc thù thể chế chính trị và trình độ phát triển của Việt Nam.

Ngoài ra, cần kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực quản trị dữ liệu thông qua việc xác định rõ hơn nữa cơ chế phối hợp giữa các đầu mối quản lý nhà nước về dữ liệu hiện nay, tăng cường năng lực xây dựng chính sách, giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm, đồng thời chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về khoa học dữ liệu, quản trị dữ liệu và an ninh dữ liệu nhằm đáp ứng mục tiêu tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số đạt trên 3% lực lượng lao động vào năm 2030 mà chiến lược phát triển kinh tế số quốc gia đã đề ra. Song song với đó, cần hoàn thiện chính sách khuyến khích đầu tư phát triển hạ tầng dữ liệu và hỗ trợ doanh nghiệp khai thác dữ liệu, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhằm bảo đảm sự tiếp cận công bằng đối với nguồn lực dữ liệu, hướng tới mục tiêu trên 70% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số vào năm 2030, tránh nguy cơ độc quyền dữ liệu tập trung vào một số ít nền tảng công nghệ lớn. Cuối cùng, cần tiếp tục nghiên cứu, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về xây dựng thể chế kinh tế dữ liệu của Liên minh châu Âu, Trung Quốc, Hoa Kỳ và Singapore, trên cơ sở đó vận dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện thể chế chính trị, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và đặc thù văn hóa của Việt Nam, tránh sao chép máy móc mô hình của các quốc gia khác, đặc biệt là tránh rơi vào thái cực buông lỏng quản lý dẫn đến rủi ro về an ninh dữ liệu, hoặc thái cực kiểm soát quá mức làm thu hẹp động lực đổi mới sáng tạo và khai thác giá trị kinh tế của dữ liệu.

4. Kết luận

Kinh tế dữ liệu đang trở thành một động lực tăng trưởng quan trọng của nền kinh tế trong kỷ nguyên số, thể hiện rõ qua việc tỷ trọng kinh tế số trong GDP của Việt Nam đã tăng liên tục, đạt 14,02% vào năm 2025, đồng thời đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện thể chế tương ứng để khai thác hiệu quả, an toàn giá trị của dữ liệu. Qua phân tích lý luận và thực tiễn, có thể thấy thể chế phát triển kinh tế dữ liệu ở Việt Nam đã có những bước tiến rất đáng ghi nhận trong thời gian gần đây, đặc biệt là việc Quốc hội liên tiếp ban hành Luật Dữ liệu năm 2024 và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025, đánh dấu sự chuyển đổi từ một mô hình quản lý dữ liệu phân tán, dựa chủ yếu vào các văn bản dưới luật, sang một mô hình quản trị dữ liệu có tính hệ thống và tiệm cận gần hơn với các chuẩn mực quốc tế. Tuy nhiên, thể chế hiện hành vẫn còn nhiều khoảng trống, bất cập cần tiếp tục được lấp đầy trong quá trình xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành, đặc biệt là về quyền sở hữu dữ liệu của khu vực tư nhân, cơ chế giao dịch, định giá dữ liệu, cơ chế chia sẻ liên thông giữa các cơ quan, tổ chức, và các thiết chế thị trường dữ liệu vốn hầu như chưa được hình thành trên thực tế.

Việc hoàn thiện thể chế phát triển kinh tế dữ liệu cần được tiến hành một cách đồng bộ trên cả bốn phương diện là pháp lý, tổ chức bộ máy, chính sách và thị trường, theo hướng vừa tạo động lực khuyến khích khai thác giá trị kinh tế của dữ liệu để hiện thực hóa các mục tiêu tăng trưởng kinh tế số đầy tham vọng mà Việt Nam đã đặt ra, vừa bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu và quyền lợi hợp pháp của các chủ thể liên quan như tinh thần của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Đây là quá trình đòi hỏi sự tham gia đồng bộ của các cơ quan nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp và các bên liên quan, cùng với việc tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam, tránh rập khuôn máy móc theo bất kỳ

một mô hình đơn lẻ nào. Kết quả nghiên cứu của bài báo có thể là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách trong quá trình xây dựng, hoàn thiện các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật Dữ liệu và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, đồng thời gợi mở một số hướng nghiên cứu tiếp theo về đánh giá định lượng tác động của thể chế đối với sự phát triển của kinh tế dữ liệu ở Việt Nam khi các văn bản này đã có đủ thời gian đi vào thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

Bộ Chính trị. (2019). Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngghi-quyet-so-52-nqtw-ngay-2792019-cua-bo-chinh-tri-ve-mot-so-chu-truong-chinh-sach-chu-dong-tham-gia-cuoc-cach-mang-cong-5715>

Bộ Chính trị. (2024). Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/toan-van-ngghi-quyet-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-doi-so-quoc-gia-119241224180048642.htm>

Chính phủ (2023). Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân (đã được thay thế). <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Nghi-dinh-356-2025-ND-CP-huong-dan-Luat-Bao-ve-du-lieu-ca-nhan-687428.aspx>

Chính phủ. (2025). Nghị định số 356/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216387>

Liên minh châu Âu. (2018). Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (*GDPR*). <https://gdpr-info.eu/>

Liên minh châu Âu. (2022). Đạo luật Quản trị dữ liệu (Data Governance Act). <https://digital-strategy.ec.europa.eu/en/policies/data-governance-act>

Liên minh châu Âu. (2024). Đạo luật Dữ liệu (Data Act). <https://digital-strategy.ec.europa.eu/en/policies/data-act>

Quốc hội. (2024). *Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15*.

Quốc hội. (2025). *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15*.

Tổng cục Thống kê/ Cục Thống kê, Bộ Tài chính. (2026). Thông cáo báo chí về tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP, GRDP giai đoạn 2021-2025. <https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2026/01/thong-cao-bao-chi-ty-trong-gia-tri-tang-them-cua-kinh-te-so-trong-gdp-grdp-giai-doan-2021-2025/>